

NĂM 1961- TÂN SỬU (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm
2	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu
3	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy
4	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật
5	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai
6	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba
7	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư
8	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm
9	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu
10	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy
11	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật
12	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai
13	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	29	Thứ Bảy	Năm (đ)	Thứ Ba
14	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư
15	29	Chủ Nhật	Giêng (đ)	Thứ Tư	29	Thứ Tư	Ba (đ)	Thứ Bảy	Tư (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm
16	30	Thứ Hai	2	Thứ Năm	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu
17	Chạp (t)	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	Hai (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy
18	2	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật
19	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai
20	4	Thứ Sáu	6	Thứ	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba

				Hai								
21	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư
22	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm
23	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu
24	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy
25	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật
26	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai
27	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba
28	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư
29	13	Chủ Nhật	-	-	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm
30	14	Thứ Hai	-	-	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu
31	15	Thứ Ba	-	-	15	Thứ Sáu	-	-	17	Thứ Tư	-	-
15 tháng 2, nhật thực toàn phần (Pháp, bán Đảo Ban –Căng, Liên Xô)								2 tháng 2, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 19g00 To nhất : 20g32ph Kết thúc : 22g04ph				

NĂM 1961-TÂN SỬU (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Sáu
2	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Thứ Bảy
3	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật
4	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Hai
5	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Ba
6	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Tư
7	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	30	Thứ Năm

8	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật	Mười (đ)	Thứ Tư	Một (t)	Thứ Sáu
	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	30	Thứ Hai	2	Thứ Năm	2	Thứ Bảy
	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	Tám (đ)	Chủ Nhật	17	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật
	29	Thứ Ba	Bảy (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	2	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	4	Thứ Hai
12	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	5	Thứ Ba
13	Sáu (t)	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	6	Thứ Tư
14	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	7	Thứ Năm
	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	8	Thứ Sáu
	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	9	Thứ Bảy
	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật
	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	11	Thứ Hai
	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	12	Thứ Ba
	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	13	Thứ Tư
	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	14	Thứ Năm
22	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	15	Thứ Sáu
23	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	16	Thứ Bảy
24	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật
25	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Thứ Hai
26	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	19	Thứ Ba
27	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	20	Thứ Tư
28	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	21	Thứ Năm
29	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	22	Thứ Sáu
30	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	23	Thứ Bảy
31	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	-	-	22	Thứ Ba	-	-	24	Chủ Nhật

11 tháng 8, nhật thực hình khuyên (Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương)	26 tháng 8, nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 8g20ph Toàn Phần : 10g01ph-10g15ph Kết Thúc : 11g47ph
---	--

NĂM 1962 - NHÂM DẦN (1)

NGÀY	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu
2	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	28	Thứ Tư	Năm (đ)	Thứ Bảy
3	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	29	Thứ Năm	2	Chủ Nhật
4	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	Tư (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai
5	29	Thứ Sáu	Giêng (t)	Thứ Hai	29	Thứ Hai	Ba (t)	Th. Minh	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba
6	Chạp (đ)	Tiểu Hàn	2	Thứ Ba	Hai (đ)	Kinh Chạp	2	Thứ Sáu	3	Lập Hạ	5	Thứ Tư
7	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm
8	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu
9	4	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy
10	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật
11	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai
12	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba
13	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư
14	9	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm
	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu
	11	Thứ Ba	12	Thứ	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy

				Sáu								
	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật
	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai
	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba
	15	Đại Hàn	16	Thứ Ba	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư
	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	16	Xuân Phân	17	Thứ Bảy	18	Tiểu Mãn	20	Thứ Năm
22	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	21	Hạ Chí
23	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy
24	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật
25	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai
26	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba
27	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư
28	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm
29	24	Thứ Hai	-	Thứ Năm	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu
30	25	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy
31	26	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	26	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	28	Thứ Năm	-	Chủ Nhật
5 tháng 2, nhật thực toàn phần (In đô nê xi a , Thái Bình Dương)												

NĂM 1962- NHÂM DẦN (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	5	Thứ Bảy
2	Sáu (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật

						Nhật						
3	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Thứ Hai
4	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Ba
5	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Tư
6	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	10	Thứ Năm
7	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Sáu
8	7	Chủ Nhật	9	Lập Thu	10	Bạch Lộ	10	Thứ Hai	12	Lập Đông	12	Thứ Bảy
9	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật
10	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Thứ Hai
								?				
11	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	15	Thứ Ba
12	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	16	Thứ Tư
	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Năm
	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	18	Thứ Sáu
	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	19	Thứ Bảy
	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật
	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Thứ Hai
	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	22	Thứ Ba
	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	23	Thứ Tư
	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	24	Thứ Năm
	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	25	Thứ Sáu
22	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	26	Thứ Bảy
23	22	Đại Thử	24	Xử Thử	25	Thu Phân	25	Thứ Ba	27	Tiểu Tuyết	27	Chủ Nhật
24	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	26	Sg. Giáng	28	Thứ Bảy	28	Thứ Hai
25	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	29	Thứ Ba
26	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	28	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	30	Thứ Tư
27	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	29	Thứ Bảy	Một (đ)	Thứ Ba	Chạp (t)	Thứ Năm
28	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	Mười (đ)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	2	Thứ Sáu
29	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	Chín (t)	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	3	Thứ Bảy

						Bảy						
30	29	Thứ Hai	Tám (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật
31	Bảy (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	4	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	5	Thứ Hai
31 tháng 7, nhật thực hình khuyên (Nam Châu Mỹ, Đại Tây Dương, Châu Phi)												

NĂM 1963-QUÝ MÃO (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy
2	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật
3	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai
4	9	Thứ Sáu	11	Lập Xuân	9	Thứ Hai	11	Th Minh	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba
5	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	10	Kinh Chạp	12	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư
6	11	Tiểu Mãn	13	Thứ Tư	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Lập Hạ	15	Mg. Chủng
7	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu
8	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy
	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật
	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai
	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba
12	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư
13	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm
14	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu
	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy
	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật
	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai

						Nhật						
	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba
	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư
	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm
	26	Đại Hàn	28	Thứ Năm	26	Xuân Phân	28	Cốc Vũ	28	Thứ Ba	Nă m (đ)	Thứ Sáu
22	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	29	Tiểu Mãn	2	Hạ Chí
23	28	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	Tư (t)	Thứ Năm	3	Chủ Nhật
24	29	Thứ Năm	Hai (t)	Chủ Nhật	29	Chủ Nhật	Tư (t)	Thứ Tư	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai
25	Giêng (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	Ba (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba
26	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư
27	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm
28	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu
29	5	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy
30	6	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật
31	7	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	7	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	-	Thứ Hai
25 tháng 1, nhật thực hình khuyên (Thái Bình Dương, Nam Châu Mỹ, Đại Tây Dương, Nam Châu Phi, Ma đa gax ca .												

NĂM 1963-QUÝ MÃO (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịc h	Tiết-Thứ
1	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật
2	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	17	Thứ Hai
3	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	18	Thứ Ba

4	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	19	Thứ Tư
5	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	20	Thứ Năm
6	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	21	Thứ Sáu
7	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	22	Thứ Bảy
8	18	Tiểu Thử	19	Lập Thu	21	Bạch Lộ	21	Thứ Ba	23	Lập Đông	23	Đại Tuyết
9	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	22	Hàn Lộ	24	Thứ Bảy	24	Thứ Hai
10	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	25	Thứ Ba
11	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	26	Thứ Tư
12	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	27	Thứ Năm
13	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	28	Thứ Sáu
14	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	29	Thứ Bảy
	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật
	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	29	Thứ Tư	Mười (đ)	Thứ Bảy	Một (đ)	Thứ Hai
	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	Chín (đ)3	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	2	Thứ Ba
	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	Tám (t)	Thứ Tư	4	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	3	Thứ Tư
	29	Thứ Sáu	Bảy (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm		Thứ Bảy	4	Thứ Ba	4	Thứ Năm
	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu		Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu
	Sáu (t)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	6	Thứ Bảy
22	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	7	Đông Chí
23	3	Đại Thử	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Tư	8	Tiểu Tuyết	8	Thứ Hai

24	4	Thứ Tư	6	Xử Thử	7	Thu Phân	8	Sg. Giáng	9	Chủ Nhật	9	Thứ Ba
25	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư
26	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm
27	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	12	Thứ Sáu
28	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy
29	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật
30	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai
31	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	15	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	16	Thứ Ba
7 tháng 7, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 3g32ph To nhất : 5g00ph Kết Thúc : 6g28ph 21 tháng 7, nhật thực toàn phần (Biển Bê Rinh , A lát xca, Ca Na Đa, Đại Tây Dương)							30 tháng 12, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 16g20ph Toàn phần : 17g25ph- 18g49ph Kết Thúc : 19g54ph					

NĂM 1964- GIÁP THÌN (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai
2	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba
3	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư
4	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm
5	21	Chủ Nhật	22	Lập Xuân	22	Kinh Trập	23	Th. Minh	24	Lập Hạ	25	Thứ Sáu
6	22	Tiểu Mãn	23	Thứ Năm	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Tư	26	Mg. Chung
7	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật
8	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai
9	25	Thứ Năm	26	Chủ	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba

				Nhật								
10	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật	Năm (t)	Thứ Tư
11	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	30	Thứ Hai	2	Thứ Năm
12	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	29	Thứ Năm	Tư (t)	Chủ Nhật	Tư (t)	Thứ Ba	3	Thứ Sáu
13	29	Thứ Hai	Giêng (đ)	Thứ Năm	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	2	Thứ Tư	4	Thứ Bảy
14	30	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	Hai (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật
	Chạp (t)	Thứ Tư	3	Thứ Bảy		Chủ Nhật	4	Thứ Tư	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai
	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật		Thứ Hai	5	Thứ Năm	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba
	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai		Thứ Ba	6	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư
	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba		Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm
	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư		Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu
	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm		Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy
		Đại Hàn	17	Thứ Sáu		Thứ Bảy	2	Thứ Ba	10	Tiểu Mãn	12	Hạ Chí
22		Thứ Tư	18	Thứ Bảy		Chủ Nhật	3	Thứ Tư	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai
23		Thứ Năm	19	Chủ Nhật		Thứ Hai	4	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba
24		Thứ Sáu	20	Thứ Hai		Thứ Ba	5	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư
25		Thứ Bảy	21	Thứ Ba		Thứ Tư	6	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm
26		Chủ Nhật	22	Thứ Tư		Thứ Năm	7	Chủ Nhật	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu
27		Thứ Hai	23	Thứ Năm		Thứ Sáu	8	Thứ Hai	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy
28		Thứ Ba	24	Thứ Sáu		Thứ Bảy	9	Thứ Ba	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật

29		Thứ Tư	25	Thứ Bảy		Chủ Nhật	10	Thứ Tư	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai
30		Thứ Năm	26	Chủ Nhật		Thứ Hai	11	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba
31		Thứ Sáu	-	Thứ Hai		Thứ Ba	-	Thứ Sáu	-	Chủ Nhật	-	Thứ Tư
15 tháng 1, nhật thực một phần 10 tháng 6, nhật thực một phần							25 tháng 6, nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 6g17ph Toàn Phần : 7g18ph-8g56ph Kết Thúc : 9g57 ph					

NĂM 1964-GIÁP THÌN (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Ba
2	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Tư
3	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	30	Thứ Năm
4	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật	Mười (đ)	Thứ Tư	Một (đ)	Thứ Sáu
5	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	30	Thứ Hai	2	Thứ Năm	2	Thứ Bảy
6	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	Tám (đ)	Chủ Nhật	Chín (t)	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật
7	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	2	Bạch Lộ	2	Thứ Tư	4	Lập Đông	4	Thứ Hai
8	29	Thứ Tư	Bảy (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	3	Hàn Lộ	5	Chủ Nhật	5	Thứ Ba
	Sáu (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	6	Thứ Tư
10	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	7	Thứ Năm
11	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	8	Thứ Sáu
12	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	9	Thứ Bảy
13	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật
14	6	Thứ Ba	7	Thứ	9	Thứ Hai	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	11	Thứ Hai

				Sáu								
15	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	12	Thứ Ba
16	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	13	Thứ Tư
17	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	14	Thứ Năm
18	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	15	Thứ Sáu
19	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	16	Thứ Bảy
20	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật
21	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Thứ Hai
22	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Năm	19	Tiểu Tuyết	19	Đông Chi
23	15	Đại Thử	16	Xử Thử	18	Thu Phân	18	Sg. Giáng	20	Thứ Hai	20	Thứ Tư
24	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	21	Thứ Năm
25	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	22	Thứ Sáu
26	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	23	Thứ Bảy
27	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật
28	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	25	Thứ Hai
29	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	26	Thứ Ba
30	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	27	Thứ Tư
31	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	-	Thứ Năm	26	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	28	Thứ Năm
9 tháng 7, nhật thực một phần 4 tháng 12, nhật thực một phần							19 tháng 12, nguyệt thực toàn phần. Bắt đầu : 7g51ph Toàn Phần : 9g05ph-10g07ph Kết Thúc : 11g19ph					

NĂM 1965-ẤT TỶ (1)

☞	Tháng Giêng	Tháng Hai	Tháng Ba	Tháng Tư	Tháng Năm	Tháng Sáu
---	-------------	-----------	----------	----------	-----------	-----------

	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	29	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm	Tư (đ)	Thứ Bảy	2	Thứ Ba
2	30	Thứ Bảy	Giêng (t)	Thứ Ba	29	Thứ Ba	Ba (t)	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư
3	Chạp (đ)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	Hai (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm
4	2	Thứ Hai	3	Lập Xuân	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	5	Thứ Sáu
5	3	Tiểu Hàn	4	Thứ Sáu	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy
6	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	4	Kinh Trập	5	Thứ Ba	6	Thứ Năm	7	Mg. Chứng
7	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai
8	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba
	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	10	Thứ Tư
	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm
	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu
	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy
	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật
	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai
	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba
	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư
	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm
	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu

	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy
	18	Đại Hàn	19	Thứ Bảy	18	Thứ Bảy	19	Cốc Vũ	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật
	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	19	Xuân Phân	20	Thứ Tư	21	Tiểu Mãn	22	Thứ Hai
22	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba
23	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư
24	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm
25	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu
26	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy
27	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật
28	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai
29	27	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	29	Thứ Bảy	Sáu (t)	Thứ Ba
30	28	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư
31	29	Chủ Nhật	-	-	29	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	Năm (t)	Thứ Hai	-	Thứ Năm
31 tháng 5, nhật thực toàn phần (Thái Bình Dương)							14 tháng 6, nguyệt thực một phần Bắt đầu : 8g01ph To nhất : 8g51ph Kết Thúc : 9g41ph					

NĂM 1965-ẤT TỶ (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Tư
2	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	10	Thứ Năm
3	5	Thứ Bảy	7	Thứ	8	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Sáu

				Ba								
4	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Bảy
5	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật
6	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Thứ Hai
7	9	Tiểu Thử	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	13	Thứ Năm	15	Lập Đông	15	Thứ Ba
8	10	Thứ Năm	12	Lập Thu	13	Bạch Lộ	14	Hàn Lộ	16	Thứ Hai	16	Thứ Tư
	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Năm
	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	18	Thứ Sáu
	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	19	Thứ Bảy
	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật
	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Thứ Hai
	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	22	Thứ Ba
	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	23	Thứ Tư
	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	24	Thứ Năm
	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	25	Thứ Sáu
	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	26	Thứ Bảy
	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật
	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	28	Thứ Hai
	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	29	Thứ Ba

22	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	28	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	30	Thứ Tư
23	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	29	Thứ Bảy	Một (đ)	Thứ Ba	Chạp (t)	Thứ Năm
24	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	Mười (đ)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	2	Thứ Sáu
25	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	Chín (t)	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	3	Thứ Bảy
26	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật
27	29	Thứ Ba	Tám (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	5	Thứ Hai
28	Bảy (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	6	Thứ Ba
29	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	6	Thứ Sáu	7	Tiểu Tuyết	7	Đông Chí
30	3	Đại Thử	4	Xử Thử	6	Thu Phân	7	Sg. Giáng	8	Thứ Ba	8	Thứ Năm
31	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba		Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	-	-	9	Thứ Sáu
23 tháng 11, nhật thực hình khuyên (Ấn Độ, Miến Điện, Thái Lan, Cam Pu Chia, Việt Nam, Bắc Ca Li, Ca li mặng ta n, Thái Bình Dương) Hà Nội : 0,8 Hải Phòng : 0,79 Vinh : 0,86 Huế : 0,89 Sài Gòn : 0,95												

NĂM 1966 BÌNH NGỌ (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch h	Tiết-Thứ
1	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư
2	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm
3	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu
4	13	Thứ Ba	15	Lập Xuân	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy
5	14	Thứ Tư	16	Thứ	14	Thứ	15	Thứ Ba	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật

				Bảy		Bảy						
6	15	Tiểu Hàn	17	Chủ Nhật	15	Kinh Trập	16	Thứ Tư	16	Lập Hạ	18	Mg. Chung
7	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba
8	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư
9	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm
10	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu
11	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy
12	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật
13	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai
14	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba
15	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư
16	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm
17	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu
18	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	28	Thứ Tư	30	Thứ Bảy
19	28	Đại Hàn	30	Thứ Bảy	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	29	Thứ Năm	Năm (t)	Chủ Nhật
20	29	Thứ Năm	Hai (đ)	Chủ Nhật	29	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	Tư (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai
21	Giêng (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	30	Xuân Phân	Ba (t)	Thứ Năm	2	Tiểu Mãn	3	Thứ Ba
22	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	Ba (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	4	Hạ Chí
23	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm
24	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu
25	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy
26	6	Thứ Tư	7	Thứ	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật

				Bảy								
27	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai
28	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba
29	9	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư
30	10	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm
31	11	Thứ Hai	-	Thứ Năm	10	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	12	Thứ Ba	-	Thứ Sáu
20 tháng 5, nhật thực hình khuyên và toàn phần (Đại Tây Dương, Tây Bắc châu Phi, Bán đảo Ban Căng, Liên Xô, Trung Quốc) Hà Nội : 0,52 Hải Phòng : 0,52 Vinh : 0,45 Huế : 0,40												

NĂM 1966- BÌNH NGỌ (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Năm
2	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Sáu
3	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	22	Thứ Bảy
4	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật
5	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	24	Thứ Hai
6	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	25	Thứ Ba
7	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	26	Thứ Tư
8	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	27	Thứ Năm
9	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	28	Thứ Sáu
10	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	29	Thứ Bảy

11	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật
12	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	28	Thứ Tư	Mười (đ)	Thứ Bảy	Một (đ)	Thứ Hai
13	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	29	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	2	Thứ Ba
14	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	Chín (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	3	Thứ Tư
15	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	Tám (t)	Thứ Năm	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	4	Thứ Năm
16	28	Thứ Bảy	Bảy (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu
17	29	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm	6	Thứ Bảy
18	Sáu (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật
19	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	8	Thứ Hai
20	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	9	Thứ Ba
21	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư
22	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm
23	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	12	Thứ Sáu
24	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy
25	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật
26	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai
27	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	16	Thứ Ba
28	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	17	Thứ Tư
29	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	18	Thứ Năm
30	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	19	Thứ Sáu
31	14	Chủ Nhật	-	-	-	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	-	Thứ Năm	20	Thứ Bảy

12 tháng 11, nhật thực toàn phần (Thái Bình Dương, Nam Châu Mỹ, Đại Tây Dương)	
---	--

NĂM 1967-ĐINH MÙI (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch h	Tiết-Thứ
1	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm
2	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu
3	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy
4	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật
5	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai
6	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba
7	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư
8	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai	Năm (đ)	Thứ Năm
9	29	Thứ Hai	19	Thứ Năm	29	Thứ Năm	30	Chủ Nhật		Thứ Ba	2	Thứ Sáu
10	30	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	30	Thứ Sáu		Thứ Hai		Thứ Tư	3	Thứ Bảy
11	Chạp (t)	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	Hai (đ)	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật
12	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai
13	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba
14	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	4	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư
15	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm
16	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu
17	7	Thứ Ba	9	Thứ	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy

				Sáu								
18	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật
19	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	9	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai
20	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba
21	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư
22	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm
23	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu
24	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy
25	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật
26	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai
27	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba
28	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư
29	19	Chủ Nhật	-	-	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm
30	20	Thứ Hai	-	-	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu
31	21	Thứ Ba	-	-	21	Thứ Sáu	-	-	23	Thứ Tư	-	Thứ Bảy

NĂM 1967- ĐINH MÙI (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch h	Tiết-Thứ
1	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	30	Thứ Sáu
2	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	29	Thứ Hai		Thứ Năm		Thứ Bảy
3	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	30	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật
4	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu		Thứ Hai		Thứ Tư	3	Thứ Bảy	3	Thứ Hai
5	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	4	Thứ Ba
6	29	Thứ Năm		Chủ	3	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	5	Thứ Tư

				Nhật								
7	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	6	Thứ Năm
8	Sáu (t)2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	7	Thứ Sáu
9	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	8	Thứ Bảy
10	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật
11	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	10	Thứ Hai
12	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	11	Thứ Ba
13	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	12	Thứ Tư
14	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	13	Thứ Năm
15	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	14	Thứ Sáu
16	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	15	Thứ Bảy
17	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật
18	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	17	Thứ Hai
19	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	18	Thứ Ba
20	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	19	Thứ Tư
21	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	20	Thứ Năm
22	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Sáu
23	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	22	Thứ Bảy
24	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật
25	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	24	Thứ Hai
26	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	25	Thứ Ba
27	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	26	Thứ Tư
28	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	27	Thứ Năm
29	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	28	Thứ Sáu
30	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	29	Thứ Bảy
31	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm		Chủ Nhật	28	Thứ Ba	29	-	Chạ p (t)	Chủ Nhật

18 tháng 10, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 15g33ph Toàn Phần : 15g48ph-17g44ph Kết Thúc : 15g59ph	2 tháng 11, nhật thực toàn phần (Đại Tây Dương)
--	--

NĂM 1968 – MẬU THÂN (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy
2	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật
3	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai
4	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba
5	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	10	Thứ Tư
6	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm
7	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu
8	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy
9	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật
10	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai
11	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba
12	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư
13	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm
14	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu
15	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy
16	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật
17	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai

18	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba
19	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư
20	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm
21	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu
22	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy
23	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật
24	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai
25	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	29	Thứ Bảy	30	Thứ Ba
26	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật		Thứ Tư
27	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	29	Thứ Tư	15	Thứ Bảy		Thứ Hai	2	Thứ Năm
28	29	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	30	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu
29		Thứ Hai	27	Thứ Năm		Thứ Sáu	17	Thứ Hai	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy
30	2	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	2	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật
31	3	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	3	Chủ Nhật	-	-	5		-	Thứ Hai
29 tháng 3, nhật thực một phần							13 tháng 4, nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 10g06ph Toàn Phần : 11g21ph-12g17ph Kết Thúc : 13g32ph					

NĂM 1968- MẬU THÂN (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật
2	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Hai
3	8	Thứ Tư	10	Thứ	11	Thứ Ba	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	14	Thứ Ba

				Bảy								
4	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Tư
5	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Năm
6	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Sáu
7	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	18	Thứ Bảy
8	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật
9	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Hai
10	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	21	Thứ Ba
11	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	22	Thứ Tư
12	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	23	Thứ Năm
13	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Sáu
14	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Thứ Bảy
15	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật
16	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Hai
17	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Ba
18	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Tư
19	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	30	Thứ Năm
20	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật		Thứ Tư		Thứ Sáu
21	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy		Thứ Hai	2	Thứ Năm	2	Thứ Bảy
22	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm		Chủ Nhật		Thứ Ba	3	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật
23	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	2	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	4	Thứ Hai
24	29	Thứ Tư		Thứ Bảy	3	Thứ Ba	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	5	Thứ Ba
25		Thứ Năm	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	6	Thứ Tư

26	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	7	Thứ Năm
27	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	8	Thứ Sáu
28	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	9	Thứ Bảy
29	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật
30	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	11	Thứ Hai
31	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	-	-	10	Thứ Năm		Chủ Nhật	12	Thứ Ba
22 tháng 9, nhật thực toàn phần (Bắc Băng Dương, Liên Xô, Trung Quốc)							5 tháng 10, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 16g57ph Toàn Phần : 18g10ph-19g21ph Kết Thúc : 20g25ph					

NĂM 1969-KỶ DẬU (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật
2	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai
3	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba
4	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư
5	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm
6	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu
7	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy
8	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật
9	21	Thứ Năm		Chủ Nhật	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai
10	22	Thứ Sáu		Thứ Hai	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba
11	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư
12	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm
13	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu
14	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	28	Thứ Tư	30	Thứ Bảy
15	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	29	Thứ Năm		Chủ Nhật
16	28	Thứ Năm		Chủ Nhật	29	Chủ Nhật	30	Thứ Tư		Thứ Sáu	2	Thứ Hai

						Nhật						
17	29	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	30	Thứ Hai		Thứ Năm	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba
18		Thứ Bảy	3	Thứ Ba		Thứ Ba	2	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư
19	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm
20	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu
21	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy
22	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật
23	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai
24	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba
25	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư
26	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm
27	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu
28	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy
29	12	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật
30	13	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai
31	14		-	Thứ Hai	14	Thứ Hai	-	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	-	-
18 tháng 3, nhật thực hình khuyên (Ấn Độ Dương, In Đô Nê Xi A , Thái Bình Dương) Hải Phòng : 0,01 (12g25ph) Vinh : 0,02 (12g22ph) Huế : 0,12 (12g22ph) Sài Gòn : 0,22 (12g11ph)												

NĂM 1969-KỶ DẬU (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	22	Thứ Hai
2	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	23	Thứ Ba
3	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	24	Thứ Tư
4	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	25	Thứ Năm

5	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	26	Thứ Sáu
6	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	27	Thứ Bảy
7	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật
8	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai
9	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật		Thứ Ba
10	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	29	Thứ Sáu		Thứ Hai		Thứ Tư
11	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	30	Thứ Năm		Thứ Bảy	2	Thứ Ba	3	Thứ Năm
12	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba		Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Sáu
13	29	Chủ Nhật		Thứ Tư		Thứ Bảy	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm	5	Thứ Bảy
14		Thứ Hai	2	Thứ Năm		Chủ Nhật	4	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật
15	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu		Thứ Hai	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	7	Thứ Hai
16	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy		Thứ Ba	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	8	Thứ Ba
17	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật		Thứ Tư	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	9	Thứ Tư
18	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai		Thứ Năm	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	10	Thứ Năm
19	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba		Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	11	Thứ Sáu
20	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư		Thứ Bảy	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm	12	Thứ Bảy
21	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật
22	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	14	Thứ Hai
23	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	15	Thứ Ba
24	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	16	Thứ Tư
25	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	17	Thứ Năm
26	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	18	Thứ Sáu
27	14	Chủ Nhật	15	Thứ	16	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	19	Thứ Bảy

				Tư								
28	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật
29	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	21	Thứ Hai
30	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	22	Thứ Ba
31	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	21	Thứ Sáu		-	23	Thứ Tư
12 tháng 9, nhật thực hình khuyên (Thái Bình Dương, Nam Châu Mỹ)												

NĂM 1970- CANH TUẤT (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch h	Tiết-Thứ
1	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai
2	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba
3	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư
4	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	29	Thứ Hai		Thứ Năm
5	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật		Thứ Ba	2	Thứ Sáu
6	29	Thứ Ba		Thứ Sáu	29	Thứ Sáu		Thứ Hai	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy
7	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật
8		Thứ Năm	3	Chủ Nhật		Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai
9	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba
10	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư
11	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm
12	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu
13	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy
14	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật
15	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai
16	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba
17	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư
18	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm
19	12	Thứ Hai	14	Thứ	12	Thứ	14	Chủ Nhật	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu

				Năm		Năm						
20	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy
21	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật
22	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai
23	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba
24	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư
25	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm
26	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu
27	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy
28	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật
29	22	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai
30	23	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba
31	24	Thứ Bảy	-		24		-		27	Chủ Nhật	-	-
21 tháng 2, nguyệt thực một phần Bắt đầu : 15g05ph To Nhất : 16g31ph Kết Thúc : 15g57ph							8 tháng 3, nhật thực toàn phần (Thái Bình Dương, Mễ Xích, Mỹ, Đại Tây Dương)					

NĂM 1970- CANH TUẤT (2)

[illegible]

11	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	13	Thứ Sáu
12	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	14	Thứ Bảy
13	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật
14	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	16	Thứ Hai
15	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	17	Thứ Ba
16	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	18	Thứ Tư
17	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	19	Thứ Năm
18	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	20	Thứ Sáu
19	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	21	Thứ Bảy
20	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật
21	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	23	Thứ Hai
22	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	24	Thứ Ba
23	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	25	Thứ Tư
24	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	26	Thứ Năm
25	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	27	Thứ Sáu
26	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	28	Thứ Bảy
27	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật
28	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	Chạ p (đ)	Thứ Hai
29	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	30	Thứ Năm	Một (t)	Chủ Nhật	2	Thứ Ba
30	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	Chín (đ)	Thứ Tư	Mười (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	3	Thứ Tư
31	29	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	-	-	2	Thứ Bảy	-		4	Thứ Năm
17 tháng 8, nguyệt thực một phần Bắt đầu : 9g14ph To nhất : 10g25ph Kết Thúc : 11g30ph							1 tháng 9, nhật thực hình khuyên (Thái Bình Dương)					

NĂM 1971-TÂN HỢI (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba

2	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư
3	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm
4	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu
5	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy
6	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật
7	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai
8	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba
9	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư
10	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm
11	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu
12	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy
13	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật
14	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai
15	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba
16	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư
17	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm
18	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu
19	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy
20	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật
21	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai
22	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba
23	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật	Năm (t)	Thứ Tư

24	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	Năm (t)	Thứ Hai	2	Thứ Năm
25	29	Thứ Hai	Hai (đ)	Thứ Năm	29	Thứ Năm	Tư (t)	Chủ Nhật	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu
26	30	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy
27	Giêng (t)	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	Ba (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật
28	2	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai
29	3	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba
30	4	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư
31	5	Chủ Nhật	-	-	5		-		8			Thứ Năm
10 tháng 2, nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 12g55ph Toàn Phần : 14g03ph Kết Thúc : 10g29ph							26 tháng 2, nhật thực một phần					

NĂM 1971-TÂN HỢI (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch h	Tiết-Thứ
1	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	14	Thứ Tư
2	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	15	Thứ Năm
3	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	16	Thứ Sáu
4	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	17	Thứ Bảy
5	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật
6	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai
7	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Ba
8	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	21	Thứ Tư
9	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	22	Thứ Năm
10	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	23	Thứ Sáu
11	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	24	Thứ Bảy
12	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật
13	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	26	Thứ Hai

NĂM 1972-NHÂM TÝ (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch h	Tiết-Thứ
1	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm
2	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu
3	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy
4	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	19	Thứ Bảy	21	Th. Minh	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật
5	19	Thứ Tư	21	Lập Xuân	20	Kinh Trập	22	Thứ Tư	22	Lập Hạ	24	Mg.Chủng
6	20	Tiểu Hàn	22	Chủ Nhật	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba
7	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư
8	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm
9	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu
10	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy
11	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	28	Thứ Năm		Chủ Nhật
12	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	2	Thứ Hai
13	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm		Thứ Bảy	3	Thứ Ba
14	28	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	29	Thứ Ba		Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư
15	29	Thứ Bảy		Thứ Ba		Thứ Tư	2	Thứ Bảy	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm
16		Chủ Nhật	2	Thứ Tư	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu
17	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy
18	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật
19	4	Thứ Tư	5	Vũ Thủy	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai
20	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	6	Xuân Phân	7	Cốc Vũ	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba
21	8	Đại Hàn	7	Thứ Hai	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	9	Tiểu Mãn	11	Hạ Chí
22	9	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm
23	10	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu
24	11	Thứ Hai	10	Thứ Năm	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy
25	12	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật
26	13	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai

27	14	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba
28	15	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư
29	16	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm
30		Chủ Nhật	-	-	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu
31			-	-	17	Thứ Sáu	-	-	19	Thứ Tư	-	-
(270) 16 tháng 1, nhật thực hình khuyên (Nam Băng Châu, Ấn Độ Dương)							(271) 30 tháng 1, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 16g11ph Toàn Phần : 17g32ph-18g14ph Kết Thúc : 19g25ph					

NĂM 1972-NHÂM TÝ (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	26	Thứ Sáu
2	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	27	Thứ Bảy
3	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật
4	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai
5	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	30	Thứ Ba
6	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	Mười (đ)	Thứ Hai	Một (t)	Thứ Tư
7	27	Tiểu Thử	28	Lập Thu	30	Bạch Lộ	Chín (đ)	Thứ Bảy	2	Lập Đông	2	Đại Tuyết
8	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	Tám (t)	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	3	Thứ Sáu
9	29	Chủ Nhật	Bảy (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm	4	Thứ Bảy
10	30	Thứ Hai	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật
11	Sáu (t)	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	6	Thứ Hai
12	2	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	7	Thứ Ba
13	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	8	Thứ Tư
14	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	9	Thứ Năm
15	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	10	Thứ Sáu
16	6	Đại Thử	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm	11	Thứ Bảy
17	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật

18	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Thứ Hai
19	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba
20	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	15	Thứ Tư
21	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	16	Thứ Năm
22	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	17	Tiểu Tuyết	17	Đông Chí
23	13	Chủ Nhật	15	Xử Thử	16	Thu Phân	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	18	Thứ Bảy
24	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật
25	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	20	Thứ Hai
26	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	21	Thứ Ba
27	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	22	Thứ Tư
28	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	23	Thứ Năm
29	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu
30	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy
31	21	Thứ hai	23	Thứ Năm	-	-	25	Thứ Ba	-	-	26	Chủ Nhật
11 tháng 7, nhật thực toàn phần (Liên Xô, Ca Na Đa, Đại Tây Dương)							26 háng 7, nguyệt thực một phần Bắt đầu : 12g58ph To nhất : 14g18ph Kết Thúc : 15g38ph					

NĂM 1973- QUÝ SỬU (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	29	Thứ Ba	Năm (t)	Thứ Sáu
2	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy
3	29	Thứ Tư	Giêng (đ)	Thứ Bảy	29	Thứ Bảy	Ba (đ)	Thứ Ba	Tư (t)	Thứ Năm	3	Chủ Nhật
4	Chạp (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai
5	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	Hai (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba
6	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật	6	Mg. Chung
7	4	Chủ Nhật	5	Thứ	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm

				Tư								
8	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu
9	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy
10	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật
11	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai
12	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba
13	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư
14	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm
15	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu
16	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy
17	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật
18	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai
19	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba
20	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư
21	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Tiểu Mãn	21	Hạ Chí
22	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu
23	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy
24	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật
25	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai
26	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba
27	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư
28	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm
29	26	Thứ Hai		Thứ Năm	25	-	27	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu

30	27	Thứ Ba		Thứ Sáu	26	-	28	Thứ Hai	28	Thứ Tư	Sáu (đ)	Thứ Bảy
31	28	Thứ Tư			27	-		-	29	Thứ Năm		Chủ Nhật
4 tháng 1, nhật thực hình khuyên (Thái Bình Dương, Nam Châu Mỹ, Đại Tây Dương)							30 tháng 6, nhật thực toàn phần (Na m Châu Mỹ, Đại Tây Dương, Châu Phi, Ấn Độ Dương)					

NĂM 1973-QUÝ SỬU (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	7	Thứ Bảy
2	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật
3	4	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	9	Thứ Hai
4	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	10	Thứ Ba
5	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	11	Thứ Tư
6	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	12	Thứ Năm
7	8	Tiểu Thử	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	13	Thứ Sáu
8	9	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	14	Thứ Bảy
9	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật
10	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	16	Thứ Hai
11	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	17	Thứ Ba
12	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	18	Thứ Tư
13	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	19	Thứ Năm
14	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	20	Thứ Sáu
15	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	21	Thứ Bảy
16	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật
17	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	23	Thứ Hai
18	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	24	Thứ Ba
19	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	25	Thứ Tư
20	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	26	Thứ Năm
21	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	27	Thứ Sáu
22	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	26	Thứ	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	28	Thứ Bảy

						Bảy						
23	24	Đại Thử	25	Xử Thử	27	Thu Phâ n	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật
24	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	Chạ p (đ)	Thứ Hai
25	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	30	Thứ Năm	Một (t)	Chủ Nhật	2	Thứ Ba
26	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	Chín (đ)	Thứ Tư	Mười (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	3	Thứ Tư
27	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	2	Thứ Năm	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	4	Thứ Năm
28	29	Thứ Bảy	Tá m (t)	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	5	Thứ Sáu
29	30	Chủ Nhật		Thứ Tư	4	Thứ Bảy	4		5	Thứ Năm	6	Thứ Bảy
30		Thứ Hai	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật
31	2		4		-		6				8	
10 tháng 12, nguyệt thực một phần Bắt Đầu : 8g12ph To nhất : 8g48ph Kết Thúc : 9g24ph							24 tháng 12, nhật thực hình khuyên (Thái Bình Dương, Nam Châu Mỹ, Đại Tây Dương, Tây Bắc Châu Phi).					

NĂM 1974- GIÁP DẦN (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lị ch	Tiết-Thứ
1	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy
2	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật
3	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai
4	12	Thứ Sáu	13	Lập Xuân	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba
5	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư
6	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	13	Kinh Trập	14	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm
7	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu
8	16	Thứ Ba	17	Thứ	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy

				Sáu								
9	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật
10	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai
11	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba
12	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư
13	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm
14	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu
15	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy
16	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật
17	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai
18	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba
19	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư
20	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	29	Thứ Hai	44	Thứ Năm
21	29	Thứ Hai	30	Thứ Năm	28	Xuân Phân	29	Chủ Nhật	30	Tiểu Mãn	2	Thứ Sáu
22	30	Thứ Ba		Thứ Sáu	29	Thứ Sáu		Thứ Hai		Thứ Tư	3	Hạ Chí
23		Thứ Tư	2	Thứ Bảy	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật
24	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật		Chủ Nhật	3	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai
25	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba
26	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư
27	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm
28	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu
29	7	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy
30	8	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật

31	9	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	8	Chủ Nhật		-	10		-	-
5 tháng 6, nguyệt thực một phần Bắt Đầu : 3g41ph To nhất : 5g14ph Kết Thúc : 6g47ph							20 tháng 6, nhật thực toàn phần (Ấn Độ Dương)					

NĂM 1974-GIÁP DẦN (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật
2	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai
3	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Ba
4	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	21	Thứ Tư
5	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	22	Thứ Năm
6	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	23	Thứ Sáu
7	18	Tiểu Thử	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	24	Đại Tuyết
8	19	Thứ Hai	21	Lập Thu	22	Bạch Lộ	23	Hàn Lộ	25	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật
9	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	26	Thứ Hai
10	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	27	Thứ Ba
11	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	28	Thứ Tư
12	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	29	Thứ Năm
13	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư		Thứ Sáu
14	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	29	Thứ Hai		Thứ Năm	2	Thứ Bảy
15	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật		Thứ Ba	2	Lập Đông	3	Chủ Nhật

16	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu		Thứ Sáu	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	4	Thứ Hai
17	28	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	5	Thứ Ba
18	29	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	6	Thứ Tư
19		Thứ Sáu	17	Thứ Hai	4	Thứ Năm	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	7	Thứ Năm
20	2	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	8	Thứ Sáu
21	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	9	Thứ Bảy
22	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	8	Thứ Ba	9	Tiểu Tuyết	10	Đông Chí
23	5	Đại Thử	6	Xử Thử	8	Thứ Hai	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	11	Thứ Hai
24	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	10	Sương Giáng	11	Chủ Nhật	12	Thứ Ba
25	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	13	Thứ Tư
26	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Năm
27	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Sáu
28	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Thứ Bảy
29	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật
30	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	18	Thứ Hai
31	13		14				17	Thứ Năm		-	19	
29-30 nguyệt thực toàn phần (*) Bắt Đầu : 20g20ph Toàn Phần : 20g35 ph Kết Thúc : 6g02ph							14 tháng 12, nhật thực một phần.					

NĂM 1975-ẤT MÃO (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật

2	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai
3	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba
4	23	Thứ Bảy	24	Lập Xuân	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư
5	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm
6	25	Tiểu Hàn	26	Thứ Năm	24	Kinh Trập	25	Chủ Nhật	26	Lập Hạ	27	Mg. Chủng
7	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy
8	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật
9	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	30	Thứ Hai
10	29	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	30	Thứ Bảy	Năm (t)	Thứ Ba
11		Thứ Bảy		Thứ Ba		Thứ Ba		Thứ Sáu		Chủ Nhật	2	Thứ Tư
12	2	Chủ Nhật	2	Thứ Tư		Thứ Tư	2	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm
13	3	Thứ Hai	3	Thứ Năm		Thứ Năm	3	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu
14	4	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy
15	5	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật
16	6	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai
17	7	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba
18	8	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư
19	9	Chủ Nhật	9	Vũ Thủy	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm
20		Đại Hàn	10	Thứ Năm	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu
21	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	9	Xuân Phân	11	Cốc Vũ	11	Tiểu Mãn	12	Thứ Bảy
22	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	12	Thứ Năm	13	Hạ Chí
23	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai
24	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba
25	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư
26	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm
27	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu
28	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy
29	18	Thứ Tư	-	-	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật
30	19	Thứ Năm	-	-	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai
31	20	Thứ Sáu	-	-	19	Thứ Hai	-	-	21	Thứ Bảy	-	-

11 tháng 6, nhật thực một phần	25 tháng 6, nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 10g57ph Toàn Phần : 12g01ph Kết Thúc : 14g35ph	
--------------------------------	---	--

NĂM 1975- ẤT MÃO (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch h	Tiết-Thứ
1	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	29	Thứ Hai
2	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	30	Thứ Ba
3	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	28	Thứ Sáu	Mười (đ)	Thứ Hai	Một (t)	Thứ Tư
4	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	29	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	2	Thứ Năm
5	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	Chín (t)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	3	Thứ Sáu
6	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	Tám (t)	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	4	Thứ Bảy
7	28	Thứ Hai	Bảy (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật
8	29	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	4	Thứ Tư	6	Lập Đông	6	Đại Tuyết
9	Sáu (t)	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	7	Thứ Ba
10	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	8	Thứ Tư
11	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	9	Thứ Năm
12	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	10	Thứ Sáu
13	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	11	Thứ Bảy
14	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật
15	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Thứ Hai
16	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba
17	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	15	Thứ Tư
18	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	16	Thứ Năm
19	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	17	Thứ Sáu
20	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	18	Thứ Bảy

NĂM 1976- BÌNH THÌN (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	Chạp (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	Hai (t)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba
2	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư
3	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm
4	4	Chủ Nhật	5	Lập Xuân	4	Thứ Năm	5	Th. Minh	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu
5	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	5	Kinh Trập	6	Thứ Hai	7	Lập Hạ	8	Mg. Chủng
6	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật
7	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai
8	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba
9	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư
10	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm
11	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu
12	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy
13	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật
14	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai
15	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba
16	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư
17	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm
18	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu
19	19	Thứ Hai	20	Vũ Thủy	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy
20	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	20	Xuân Phân	21	Cốc Vũ	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật
21	21	Đại Hàn	22	Thứ	21	Chủ	22	Thứ Tư	23	Tiểu Mãn	24	Hạ Chí

				Bảy		Nhật						
22	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba
23	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư
24	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm
25	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu
26	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy
27	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	29	Thứ Năm	Sáu (đ)	Chủ Nhật
28	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai
29	29	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	29	Thứ Hai	25	Thứ Năm	Năm (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba
30	30	Thứ Sáu	-	-	30	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư
31	Giêng (đ)	Thứ Bảy	-	-	Ba (t)	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	3	Thứ Hai	-	Thứ Năm
29 tháng 4, nhật thực hình khuyên (Đại Tây Dương, Tây Bắc Châu Phi, Thổ Nhĩ Kỳ, Iran- Liên Xô, Trung Quốc							14 tháng 5, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 2g07ph To nhất : 2g30ph Kết Thúc : 3g33ph					

NĂM 1976- BÍNH THÌN (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	11	Thứ Tư
2	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	12	Thứ Năm
3	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	13	Thứ Sáu
4	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	14	Thứ Bảy
5	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật
6	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	16	Thứ Hai
7	11	Tiểu Thử	12	Lập Thu	14	Bạch Lộ	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	17	Thứ Ba
8	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	18	Thứ Tư
9	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	19	Thứ Năm
10	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	20	Thứ Sáu

		Bảy										
										?		
11	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Thứ Bảy
12	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật
13	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Hai
14	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Ba
15	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Tư
16	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Năm
17	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Sáu
18	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	28	Thứ Bảy
19	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật
20	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	30	Thứ Hai
21	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	28	Thứ Năm	Mười (đ)	Chủ Nhật	Một (t)	Thứ Ba
22	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	2	Thứ Tư
23	27	Đại Thử	28	Xử Thử	30	Thu Phân	Chín (t)	Sg . Giảng	3	Thứ Ba	3	Thứ Năm
24	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	Tám (t)	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	4	Thứ Sáu
25	29	Chủ Nhật	Tám (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	5	Thứ Bảy
26	30	Thứ Hai	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật
27	Bảy (t)	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Thứ Hai
28	2	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Ba
29	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Tư
30	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	10	Thứ Năm
31	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	11	Thứ Sáu
25 tháng 10, nhật thực toàn phần (Đông Châu Phi, Ấn Độ Dương, Châu Úc , Thái Bình Dương)												

NĂM 1977- ĐINH TÝ (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư
2	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm
3	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu
4	15	Thứ Ba	17	Lập Xuân	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy
5	16	Tiểu Hàn	18	Thứ Bảy	16	Kinh Trập	17	Th. Minh	18	Lập Hạ	19	Chủ Nhật
6	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai
7	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba
8	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư
9	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm
10	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu
11	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy
12	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật
13	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai
14	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba
15	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư
16	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	29	Thứ Hai	30	Thứ Năm
17	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	30	Thứ Ba	Năm (t)	Thứ Sáu
18	29	Thứ Ba	Giêng (đ)	Thứ Sáu	29	Thứ Sáu	Ba (đ)	Thứ Hai	Tư (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy
19	Chạp (đ)	Thứ Tư	2	Vũ Thủy	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật
20	2	Đại Hàn	3	Chủ Nhật	Hai (t)	Chủ Nhật	3	Cốc Vũ	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai
21	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	2	Xuân	4	Thứ	4	Tiểu Mãn	5	Hạ Chí

						Phân		Năm				
22	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư
23	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm
24	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu
25	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy
26	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật
27	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai
28	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba
29	11	Thứ Bảy		-	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư
30	12	Chủ Nhật		-	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm
31	13	Thứ Hai		-	12	Thứ Năm	-	-	14	Thứ Ba	-	Thứ Sáu
4 tháng 4, nguyệt thực một phần Bắt đầu : 10g30ph To nhất : 11g21ph Kết Thúc : 12g12ph							18 tháng 4, nhật thực hình khuyên (Đại Tây Dương, Nam Châu Phi, Ấn Độ Dương)					

NĂM 1977-ĐINH TÝ (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	21	Thứ Năm
2	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	22	Thứ Sáu
3	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	23	Thứ Bảy
4	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật
5	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Hai
6	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Ba
7	21	Tiểu Thử	23	Lập Thu	24	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	26	Lập Đông	27	Đại Tuyết
8	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Bạch Lộ	26	Hàn Lộ	27	Thứ Ba	28	Thứ Năm
9	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Sáu

10	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	30	Thứ Bảy
11	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	29	Thứ Ba	Mười (đ)	Thứ Sáu	Một (t)	Chủ Nhật
12	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	2	Thứ Hai
13	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	Tám (t)	Thứ Ba	Chín (t)	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	3	Thứ Ba
14	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	4	Thứ Tư
15	29	Thứ Sáu	Bảy (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	5	Thứ Năm
16	Sáu (t)	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	6	Thứ Sáu
17	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm	7	Thứ Bảy
18	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật
19	4	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	9	Thứ Hai
20	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	10	Thứ Ba
21	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	11	Thứ Tư
22	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	12	Tiểu Tuyết	12	Đông Chí
23	8	Đại Thử	9	Xử Thử	11	Thu Phân	11	Sg. Giáng	13	Thứ Tư	13	Thứ Sáu
24	9	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	14	Thứ Bảy
25	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật
26	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	16	Thứ Hai
27	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	17	Thứ Ba
28	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	18	Thứ Tư
29	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	19	Thứ Năm
30	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	20	Thứ Sáu
31	16	Chủ Nhật	17	-	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai	-	Thứ Năm	21	Thứ Bảy
13 tháng 10, nhật thực toàn phần (Thái Bình Dương, Nam Châu Mỹ)												

NĂM 1978- MẬU NGỌ (1)

[illegible]

21	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	13	Xuân Phấn	15	Thứ Sáu	15	Tiểu Mãn	16	Thứ Tư
22	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	16	Thứ Hai	17	Hạ Chí
23	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu
24	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy
25	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật
26	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai
27	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba
28	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư
29	21	Chủ Nhật	-	-	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm
30	22	Thứ Hai	-	-	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu
31	23	Thứ Ba	-	-	23	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	25	-	-	Thứ Bảy
21-25 tháng 3, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt Đầu : 21g30ph Toàn Phần : 22g10ph Kết Thúc : 1g14ph												

NĂM 1978-MẬU NGỌ (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật	Mười (t)	Thứ Tư	2	Thứ Sáu
2	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	Tám (đ)	Thứ Bảy	Chín (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	3	Thứ Bảy
3	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật
4	29	Thứ Ba	Bảy (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	5	Thứ Hai
5	Sáu (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Ba
6	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Tư
7	3	Tiểu Thử	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Năm
8	4	Thứ Bảy	5	Lập Thu	7	Bạch Lộ	7	Hàn Lộ	8	Lập Đông	9	Thứ Sáu
9	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Thứ Bảy
10	6	Thứ Hai	7	Thứ	9	Chủ	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Chủ

				Năm		Nhật						Nhật
11	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Hai
12	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Ba
13	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	14	Thứ Tư
14	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	15	Thứ Năm
15	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	16	Thứ Sáu
16	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	17	Thứ Bảy
17	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật
18	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	19	Thứ Hai
19	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	20	Thứ Ba
20	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	21	Thứ Tư
21	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	22	Thứ Năm
22	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật	22	Tiểu Tuyết	23	Đông Chí
23	19	Đại Thử	20	Xử Thử	22	Thu Phân	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	24	Thứ Bảy
24	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật
25	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	26	Thứ Hai
26	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Ba
27	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	28	Thứ Tư
28	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	29	Thứ Năm
29	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	30	Thứ Sáu
30	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai	Một (đ)	Thứ Năm	Chạp (t)	Thứ Bảy
31	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm		Chủ Nhật	30	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật

17 tháng 9, nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 0g16ph Toàn phần : 1g22ph-2g14ph Kết Thúc : 3g50ph	
---	--

NĂM 1979-KỶ MÙI (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu
2	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy
3	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật
4	6	Thứ Năm	8	Lập Xuân	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai
5	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba
6	8	Tiểu Hàn	10	Thứ Ba	9	Kinh Trập	10	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	12	Mg. Chung
7	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm
8	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu
9	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy
10	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật
11	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai
12	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba
13	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư
14	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm
15	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu
16	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy
17	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật
18	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai
19	21	Thứ Sáu	23	Vũ Thủy	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba
20	22	Đại Hàn	24	Thứ Ba	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư

21	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	24	Xuân Phân	25	Thứ Bảy	26	Tiểu Mãn	27	Thứ Năm
22	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	28	Hạ Chí
23	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy
24	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	29	Thứ Năm	Sáu (đ)	Chủ Nhật
25	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai
26	28	Thứ Sáu	Hai (đ)	Thứ Hai	29	Thứ Hai	Tư (đ)	Thứ Năm	Năm (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba
27	29	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	30	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư
28	Giêng (t)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	Ba (t)	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm
29	2	Thứ Hai	-	-	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu
30	3	Thứ Ba	-	-	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy
31	4	-	-	-	4	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	6	Thứ Năm	-	Chủ Nhật
27 tháng 2, nhật thực toàn phần (Mỹ, Ca Na Đa, Gơ Rin Len)							14 tháng 5, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 2g36ph To nhất : 4g10ph Kết Thúc : 5g44ph					

NĂM 1979-KỶ MÙI (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Bảy
2	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật
3	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Thứ Hai
4	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	15	Thứ Ba
5	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	16	Thứ Tư
6	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Năm
7	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	18	Thứ Sáu
8	15	Tiểu Thử	16	Lập Thu	17	Bạch Lộ	18	Thứ Hai	19	Lập Đông	19	Thứ Bảy
9	16	Thứ Hai	17	Thứ	18	Chủ	19	Hàn Lộ	20	Thứ Sáu	20	Chủ

				Năm		Nhật						Nhật
10	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Thứ Hai
11	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	22	Thứ Ba
12	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	23	Thứ Tư
13	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	24	Thứ Năm
14	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	25	Thứ Sáu
15	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	26	Thứ Bảy
16	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật
17	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	28	Thứ Hai
18	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	29	Thứ Ba
19	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	Một (đ)	Thứ Tư
20	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	30	Thứ Bảy	Mười (t)	Thứ Ba	2	Thứ Năm
21	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	Tám (đ)	Thứ Sáu	Chín (đ)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Sáu
22	29	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Đông Chí
23	30	Đại Thử	Bảy (t)	Thứ Năm	3	Thu Phân	3	Thứ Ba	4	Tiểu Tuyết	5	Chủ Nhật
24	Sáu (đ)	Thứ Ba	2	Xử Thử	4	Thứ Hai	4	Sg. Giáng	5	Thứ Bảy	6	Thứ Hai
25	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Ba
26	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Thứ Tư
27	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Thứ Năm
28	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Sáu
29	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Thứ Bảy
30	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật
31	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	11	-	-	Thứ Bảy	13	Thứ Hai

23 tháng 8, nhật thực hình khuyên (Thái Bình Dương, Nam Băng Châu)	6 tháng 9, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 16g11ph Toàn Phần : 17g8ph- 18g20ph Kết Thúc : 19g37ph
---	--

NĂM 1980- CANH THÂN (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật
2	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai
3	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba
4	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	18	Thứ Ba	19	Th. Minh	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư
5	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	21	Lập Hạ	23	Mg. Chủng
6	19	Tiểu Hàn	20	Thứ Tư	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu
7	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy
8	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật
9	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai
10	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba
11	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư
12	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm
13	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	29	Thứ Ba	Năm (t)	Thứ Sáu
14	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	Tư (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy
15	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	29	Thứ Bảy	Ba (t)	Thứ Ba	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật
16	29	Thứ Tư	Giêng (d)	Thứ Bảy	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai
17	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	Hai (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba
18	Chạp (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư

19	2	Thứ Bảy	4	Vũ Thủy	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm
20	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	4	Xuân Phân	6	Cốc Vũ	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu
21	4	Đại Hàn	6	Thứ Năm	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Tiểu Mãn	9	Hạ Chí
22	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật
23	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai
24	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba
25	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư
26	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm
27	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu
28	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy
29	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật
30	13	Thứ Tư		Thứ Bảy	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai
31	14	Thứ Năm		Chủ Nhật	15	Thứ Hai	-	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	-	Thứ Ba
16 tháng 2, nhật thực toàn phần (Đại Tây Dương, Châu Phi, Ấn Độ Dương, Ấn Độ, Miến Điện , Trung Quốc) Hà Nội : 0,85 (17g42ph) Hải Phòng : 0,85 (17g42ph) Vinh : 0,79 (17g42ph) Huế : 0,69 (17g42ph) Sài Gòn : 0,52 (17g42ph)												

NĂM 1980- CANH THÂN (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	24	Thứ Hai
2	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	25	Thứ Ba
3	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	26	Thứ Tư

NĂM 1981-TÂN DẬU (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	27	Thứ Sáu	18	Thứ Hai
2	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	28	Thứ Bảy	Năm (đ)	Thứ Ba
3	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật	2	Thứ Tư
4	29	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	28	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	Tư (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm
5	30	Thứ Hai	Giêng (t)	Thứ Năm	29	Thứ Năm	Ba (t)	Chủ Nhật	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu
6	Chạp (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	Hai (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy
7	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật
8	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai
9	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba
10	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư
												"
11	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm
12	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu
13	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy
14	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật
15	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai
16	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba
17	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư
18	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm
19	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu
20	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy
21	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật
22	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai
23	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	18	Thứ Hai	19	Thứ	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba

								Năm				
24	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư
25	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm
26	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu
27	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy
28	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật
29	24	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai
30	25	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba
31	26	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	26	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	-	-
5 tháng 2, nhật thực hình khuyên (Thái Bình Dương)												

NĂM 1981-TÂN DẬU (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Ba
2	Sáu (t)	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Tư
3	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Năm
4	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Sáu
5	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	8	Kinh Chạp	8	Th. Minh	9	Lập Hạ	10	Thứ Bảy
6	5	Thứ Hai	7	Lập Xuân	9	Chủ Nhật	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Đại Tuyết
7	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Hai
8	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Ba
9	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	14	Thứ Tư
10	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	15	Thứ Năm
11	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	16	Thứ Sáu
12	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	17	Thứ Bảy
13	12	Thứ Hai	14	Thứ	16	Chủ	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	18	Chủ

				Năm		Nhật						Nhật
14	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	19	Thứ Hai
15	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	20	Thứ Ba
16	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	21	Thứ Tư
17	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	22	Thứ Năm
18	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	23	Thứ Sáu
19	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	24	Thứ Bảy
20	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật
21	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	26	Thứ Hai
22	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Ba
23	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	28	Thứ Tư
24	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	29	Thứ Năm
25	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	30	Thứ Sáu
26	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai	Một (đ	Thứ Năm	Chạp (đ)	Thứ Bảy
27	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	30	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật
28	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	Chín (đ)	Thứ Hai	Mười (t)	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	3	Thứ Hai
29	28	Thứ Tư	Tám (đ)	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	4	Thứ Ba
30	29	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	5	Thứ Tư
31	Bảy (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	-	Thứ Năm	4	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	6	Thứ Năm
17 tháng 7, nguyệt thực một phần Bắt Đầu : 10g28 ph To nhất : 11g48 ph Kết Thúc : 10g08 ph							31 tháng 7, nhật thực toàn phần (liên Xô, Thái Bình Dương) Hà Giang : 0,02 (9 g 48 ph)					

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ

1	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba
2	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư
3	9	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm
4	10	Thứ Hai	11	Lập Xuân	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu
5	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	10	Thứ Sáu	12	Th. Minh	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy
6	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	11	Kính Trập	13	Thứ Ba	13	Thứ Năm	15	Mg. Chung
7	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai
8	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba
9	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư
10	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm
				,		,						
11	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu
12	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy
13	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật
14	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai
15	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba
16	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư
17	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm
18	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu
19	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy
20	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật
21	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	26	Xuân Phân	28	Thứ Tư	28	Tiểu Mãn	Năm (đ)	Thứ Hai
22	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	29	Thứ Bảy	2	Hạ Chí
23	29	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	Tư (t)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư
24	30	Chủ Nhật	Hạ I (t)	Thứ Tư	29	Thứ Tư	Tư (t)	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm

		Nhật										Năm
25	Giêng (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	Ba (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu
26	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy
27	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật
28	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai
29	5	Thứ Sáu	-	-	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba
30	6	Thứ Bảy	-	-	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư
31	7	Chủ Nhật	-	-	7	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	-	Thứ Năm
10 tháng 1, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt Đầu : 1g09 ph Toàn Phần : 2g14ph-3g38ph Kết Thúc : 4g43 ph							25 tháng 1, Nhật thực một phần 21 tháng 5, Nhật thực một phần.					

NĂM 1982-NHÂM TUẤT (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Tư
2	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Năm
3	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Sáu
4	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	20	Thứ Bảy
5	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật
6	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	22	Thứ Hai
7	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	23	Thứ Ba
8	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	24	Thứ Tư
9	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	25	Thứ Năm
10	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	26	Thứ Sáu
11	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	27	Thứ Bảy

12	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật
13	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	29	Thứ Hai
14	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	30	Thứ Ba
15	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Sáu		Thứ Hai		Thứ Tư
16	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	30	Thứ Bảy		Thứ Ba		Thứ Năm
17	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba		Thứ Sáu		Chủ Nhật		Thứ Tư		Thứ Sáu
18	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư		Thứ Bảy		Thứ Hai		Thứ Năm		Thứ Bảy
19	29	Thứ Hai		Thứ Năm		Chủ Nhật		Thứ Ba		Thứ Sáu		Chủ Nhật
20	30	Thứ Ba		Thứ Sáu		Thứ Hai		Thứ Tư		Thứ Bảy		Thứ Hai
21	Sáu (t)	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	7	Thứ Ba
22	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	6	Thứ Sáu	8	Tiểu Tuyết	8	Đông Chí
23	3	Đại Thử	5	Xử Thử	7	Thu Phân	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	9	Thứ Năm
24	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	8	Sg. Giáng	10	Thứ Tư	10	Thứ Sáu
25	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	11	Thứ Bảy
26	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật
27	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Thứ Hai
28	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba
29	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	15	Thứ Tư
30	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	16	Thứ Năm
31	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba		Thứ Sáu	15	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	17	Thứ Sáu
6 tháng 7, nguyệt thực toàn phần Bắt Đầu : 12g38ph Toàn phần : 13g39ph- 15g21ph Kết Thúc : 16g22ph 21 tháng 7, nhật thực một phần							15 tháng 12, nhật thực một phần 30 tháng 12, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt Đầu : 16g41ph Toàn Phần : 17g53 ph – 18g 59 ph Kết Thúc : 20g11ph					

NĂM 1983-QUÝ HỢI (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư
2	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm
3	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu
4	21	Thứ Ba	22	Lập Xuân	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy
5	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	21	Thứ Bảy	22	Th. Minh	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật
6	23	Tiểu Hàn	24	Chủ Nhật	22	Kinh Trập	23	Thứ Tư	24	Lập Hạ	25	Mg. Chứng
7	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba
8	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư
9	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm
10	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu
11	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Tư	Năm (t)	Thứ Bảy
12	29	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật
13	30	Thứ Năm	Giêng (đ)	Chủ Nhật	29	Chủ Nhật	Ba (đ)	Thứ Tư	Tư (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai
14	Chạp (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	30	Thứ Hai	2	Thứ Năm	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba
15	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	Hai (t)	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư
16	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	2	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm
17	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu
18	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy
19	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật
20	7	Đại Hàn	8	Chủ Nhật	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai
21	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba
22	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật	12	Hạ Chí

23	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm
24	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu
25	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy
26	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật
27	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai
28	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba
29	16	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư
30	17	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm
31	18	Thứ Hai	-	Thứ Năm	17	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	-	-
11 tháng 6, nhật thực toàn phần (Ấn Độ Dương, In đô nê xi a, Thái Bình Dương) Hà Nội : 0,1 Hải Phòng : 0,12 Vinh : 0,17 Huế : 0,27 Sài Gòn : 0,43							23 tháng 6, nguyệt thực một phần Bắt đầu : 14g20ph To nhất : 15g25ph Kết Thúc : 16g30ph					

NĂM 1983- QUÝ HỢI (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	27	Thứ Năm
2	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	28	Thứ Sáu
3	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	29	Thứ Bảy
4	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	Một (đ)	Chủ Nhật
5	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Tư	Mười (t)	Thứ Bảy	2	Thứ Hai
6	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	Chín (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	3	Thứ Ba
7	27	Tiểu Thử	28	Chủ Nhật	Tám (t)	Thứ Tư	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	4	Thứ Tư
8	28	Thứ Sáu	29	Lập Thu	2	Bạch Lộ	3	Thứ Bảy	4	Lập Đông	5	Thứ Năm
9	29	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	4	Hàn Lộ	5	Thứ Tư	6	Thứ Sáu

10	Sáu (đ)	Chủ Nhật	Bảy (t)	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	7	Thứ Bảy
11	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật
12	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	9	Thứ Hai
13	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	10	Thứ Ba
14	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	11	Thứ Tư
15	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	12	Thứ Năm
16	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	13	Thứ Sáu
17	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	14	Thứ Bảy
18	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật
19	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	16	Thứ Hai
20	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	17	Thứ Ba
21	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	18	Thứ Tư
22	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	16	Thu Phân	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	19	Đông Chí
23	14	Đại Thử	15	Xử Thử	17	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	19	Tiểu Tuyết	20	Thứ Sáu
24	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	19	Sg. Giáng	20	Thứ Năm	21	Thứ Bảy
25	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật
26	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Hai
27	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Ba
28	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Tư
29	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Năm
30	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Sáu
31	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư		Thứ Bảy	26	Thứ Hai		Thứ Năm	28	Thứ Bảy
4 tháng 12, nhật thực hình khuyên (Đại Tây Dương, Châu Phi)												

NĂM 1984- GIÁP TÝ (1)

[illegible]

21	19	Đại Hàn	20	Thứ Ba	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Tiểu Mãn	23	Thứ Năm
22	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu
23	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy
24	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật
25	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai
26	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba
27	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư
28	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm
29	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	29	Thứ Ba	SÁu (t)	Thứ Sáu
30	28	Thứ Hai		Thứ Năm	28	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	Nă m (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy
31	29				29	Thứ Bảy		Thứ Ba	2	Thứ Năm	-	Chủ Nhật
31 tháng 5., Nhật thực hình khuyên và toàn phần (Thái Bình Dương, Mễch Xích , Mỹ, Đại Tây Dương, Tây Bắc Châu Phi)												

NĂM 1984-GIÁP TÝ (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	9	Thứ Bảy
2	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật
3	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	11	Thứ Hai
4	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	12	Thứ Ba
5	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	13	Thứ Tư
6	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	14	Thứ Năm
7	9	Tiểu Thử	11	Lập Thu	12	Bạch Lộ	13	Chủ Nhật	15	Lập Đông	15	Đại Tuyết
8	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	16	Thứ Bảy
9	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật

10	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Thứ Hai
11	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	19	Thứ Ba
12	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	20	Thứ Tư
13	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	21	Thứ Năm
14	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	22	Thứ Sáu
15	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	23	Thứ Bảy
16	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật
17	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	25	Thứ Hai
18	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	26	Thứ Ba
19	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	27	Thứ Tư
20	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	28	Thứ Năm
21	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	29	Đông Chí
22	24	Đại Thử	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	28	Thứ Hai	30	Tiểu Tuyết	Một (đ)	Thứ Bảy
23	25	Thứ Hai	27	Xử Thử	28	Thu Phân	29	Sg. Giáng	Nhuận	Thứ Sáu		Chủ Nhật
24	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	Mười (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy		Thứ Hai
25	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	Chín (t)	Thứ Ba	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật		Thứ Ba
26	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai		Thứ Tư
27	29	Thứ Sáu	Tám (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba		Thứ Năm
28	Bảy (đ)	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư		Thứ Sáu
29	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm		Thứ Bảy
30	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu		Chủ Nhật
31	4		5		-	Thứ Hai	8	-		Thứ Bảy		Thứ Hai
23 tháng 11, nhật thực toàn phần (InDô Nê Xi a , Thái Bình Dương)												

NĂM 1985- ẤT SỬU (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy
2	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật
3	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai
4	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba
5	15	Tiểu Hàn	16	Thứ Ba	14	Kinh Trập	16	Thứ Sáu	16	Lập Hạ	17	Thứ Tư
6	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	18	Mg. Chứng
7	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu
8	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy
9	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật
10	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai
11	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba
12	22	Thứ Bảy	23	Vũ Thủy	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư
13	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm
14	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu
15	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy
16	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật
17	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai
18	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	29	Thứ Bảy	Năm	Thứ Ba
19	29	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư
20	30	Chủ Nhật	Giêng (1)	Thứ Tư	29	Xuân Phân	Ba (đ)	Thứ Bảy	Tư (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm
21	Chạp (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	Hai (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	2	Tiểu Mãn	4	Hạ Chí
22	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	3	Thứ Tư	5	Thứ

												Bảy
23	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật
24	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai
25	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba
26	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư
27	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm
28	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu
29	9	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy
30	10	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật
31	11	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	11	Chủ Nhật	-	-	12	Thứ Sáu	-	Thứ Hai
5 tháng 5, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt Đầu : 1g11ph Toàn Phần :2g22ph Kết Thúc : 4g43ph							20 tháng 5, nhật thực một phần					

NĂM 1985-ẤT SỬU (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật
2	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	21	Thứ Hai
3	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	22	Thứ Ba
4	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	23	Thứ Tư
5	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	24	Thứ Năm
6	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	25	Thứ Sáu
7	20	Tiểu Thử	21	Lập Thu	23	Bạch Lộ	23	Thứ Hai	25	Lập Đông	26	Đại Tuyết
8	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật
9	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	28	Thứ Hai
10	23	Thứ Tư	24	Thứ	26	Thứ Ba	26	Thứ	28	Chủ Nhật	29	Thứ

				Bảy				Năm				Ba
		"										
11	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	30	Thứ Tư
12	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	28	Thứ Bảy	Mười (đ)	Thứ Ba	Một (1)	Thứ Năm
13	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	2	Thứ Sáu
14	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	Chín (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	3	Thứ Bảy
15	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	Tám (t)	Chủ Nhật	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật
16	29	Thứ Ba	Bảy (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	5	Thứ Hai
17	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	6	Thứ Ba
18	Sáu (t)	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	7	Thứ Tư
19	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	8	Thứ Năm
20	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	9	Thứ Sáu
21	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	10	Thứ Bảy
22	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	9	Thứ Ba	11	Tiểu Tuyết	11	Đông Chí
23	6	Đại Thử	8	Xử Thử	9	Thứ Hai	10	Sg. Giáng	12	Thứ Bảy	12	Thứ Hai
24	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	13	Thứ Ba
25	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	14	Thứ Tư
26	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	15	Thứ Năm
27	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	16	Thứ Sáu
28	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	17	Thứ Bảy
29	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật
30	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai
31	14	-	16	Thứ Bảy	-		18	Thứ Năm		-	20	Thứ Ba

28-29 tháng 10, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt Đầu : 23g01ph Toàn Phần : 0g22ph-1g04ph Kết Thúc : 2g25ph	12 tháng 11, nhật thực toàn phần (Thái Bình Dương)	
--	---	--

NĂM 1986-BÍNH DẦN (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật
2	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai
3	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba
4	24	Thứ Bảy	26	Lập Xuân	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư
5	25	Tiểu Hân	27	Thứ Tư	25	Thứ Tư	27	Th. Minh	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm
6	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	26	Kinh Trập	28	Chủ Nhật	28	Lập Hạ	29	Mg. Chủng
7	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	29	Thứ Tư	Năm (đ)	Thứ Bảy
8	28	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật
9	29	Thứ Năm	Giêng (t)	Chủ Nhật	29	Chủ Nhật	Ba (đ)	Thứ Tư	Tư (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai
10	Chạp (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	Hai (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba
11	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư
12	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm
13	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu
14	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy
15	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật
16	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai
17	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba
18	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư
19	10	Chủ	11	Thứ Tư	10	Thứ Tư	11	Thứ	11	Thứ Hai	13	Thứ

		Nhật						Bảy				Năm
20	11	Đại Hàn	12	Thứ Năm	11	Thứ Năm	12	Cốc Vũ	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu
21	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	12	Xuân Phân	13	Thứ Hai	13	Tiểu Mãn	15	Hạ Chí
22	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật
23	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai
24	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba
25	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư
26	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm
27	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu
28	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy
29	20	Thứ Tư	-	-	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật
30	21	Thứ Năm	-	-	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai
31	22	Thứ Sáu	-	-	22	Thứ Hai	-	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	-	-
9 tháng 4, nhật thực một phần							24 tháng 4, nguyệt thực một phần (*) Bắt Đầu : 17g59 ph Toàn Phần : 19g10ph-10g13ph Kết Thúc : 21g29ph					

NĂM 1986- BÌNH DÂN (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	Một (đ)	Thứ Hai
2	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	29	Thứ Năm	Mười (t)	Chủ Nhật	2	Thứ Ba
3	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	3	Thứ Tư
4	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	Tám (đ)	Thứ Năm	Chín (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	4	Thứ Năm
5	29	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	5	Thứ Sáu
6	30	Chủ Nhật	Bảy (t)	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	6	Thứ Bảy
7	Sáu	Tiểu Thử	2	Thứ	4	Chủ	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Đại

	(đ)			Năm		Nhật						Tuyết
8	2	Thứ Ba	3	Lập Thu	5	Bạch Lộ	5	Hàn Lộ	7	Lập Đông	8	Thứ Hai
9	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	9	Thứ Ba
10	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	10	Thứ Tư
11	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	11	Thứ Năm
12	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	12	Thứ Sáu
13	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	13	Thứ Bảy
14	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật
15	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	15	Thứ Hai
16	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	16	Thứ Ba
17	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Tư
18	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Năm
19	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Sáu
20	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	20	Thứ Bảy
21	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật
22	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	19	Thứ Tư	21	Tiểu Tuyết	22	Đông Chí
23	17	Đại Thử	18	Xử Thử	20	Thu Phân	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	23	Thứ Ba
24	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	21	Sg. Giáng	23	Thứ Hai	24	Thứ Tư
25	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	25	Thứ Năm
26	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	26	Thứ Sáu
27	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	27	Thứ Bảy
28	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật
29	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	29	Thứ Hai
30	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	30	Thứ Ba

31	25		26			Thứ Tư	28	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	Chạp (t)	Thứ Tư
4 tháng 10, nhật thực toàn phần (Đại Tây Dương)							18 tháng 10, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 0g33ph Toàn Phần : 1g42ph- 2g56ph Kết Thúc : 4g05ph					

NĂM 1987-ĐINH MÃO (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai
2	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba
3	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư
4	5	Chủ Nhật	7	Lập Xuân	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm
5	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	6	Thứ Năm	8	Th. Minh	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu
6	7	Tiểu Hàn	9	Thứ Sáu	7	Kinh Trập	9	Thứ Hai	9	Lập Hạ	11	Mg. Chung
7	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật
8	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai
9	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba
10	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư
												"
11	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm
12	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu
13	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy
14	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật
15	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai
16	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba
17	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư
18	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm

19	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu
20	21	Đại Hàn	23	Thứ Sáu	21	Thứ Sáu	23	Cốc Vũ	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy
21	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	22	Xuân Phân	24	Thứ Ba	24	Tiểu Mãn	26	Chủ Nhật
22	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	27	Hạ Chí
23	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba
24	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư
25	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm
26	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	29	Thứ Ba	Sáu (đ)	Thứ Sáu
27	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	28	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	Năm (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy
28	29	Thứ Tư	Hai (t)	Thứ Bảy	29	Thứ Bảy	Tư (t)	Thứ Ba	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật
29	Giêng (đ)	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	Ba (đ)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai
30	2	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba
31	3	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	3	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật	-	-
29 tháng 3, nhật thực hình khuyên và toàn phần (Nam Châu Mỹ, Đại Tây Dương, Châu Phi)												

NĂM 1987-ĐINH MÃO (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	11	Thứ Ba
2	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	12	Thứ Tư
3	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	13	Thứ Năm
4	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	14	Thứ Sáu
5	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	15	Thứ Bảy
6	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật

7	12	Tiểu Thử	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	17	Đại Tuyệt
8	13	Thứ Tư	14	Lập Thu	16	Bạch Lộ	16	Thứ Năm	17	Lập Đông	18	Thứ Ba
9	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Tư
10	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Năm
11	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Sáu
12	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	22	Thứ Bảy
13	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật
14	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	24	Thứ Hai
15	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	25	Thứ Ba
16	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	26	Thứ Tư
17	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	27	Thứ Năm
18	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	28	Thứ Sáu
19	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	29	Thứ Bảy
20	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật
21	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	29	Thứ Tư	Mười (đ)	Thứ Bảy	Một (t)	Thứ Hai
22	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	2	Đông Chí
23	28	Đại Thử	29	Xử Thử	Tám (đ)	Thu Phân	Chín (t)	Thứ Sáu	3	Tiểu Tuyệt	3	Thứ Tư
24	29	Thứ Sáu	Bảy (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	2	Sg. Giáng	4	Thứ Ba	4	Thứ Năm
25	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu
26	Bảy (t)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm	6	Thứ Bảy
27	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật
28	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	8	Thứ Hai
29	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	9	Thứ Ba
30	5	Thứ	7	Chủ	8	Thứ Tư	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư

		Năm		Nhật								
31	6		8	Thứ Hai	-	Thứ Năm	9	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	11	Thứ Năm
23 tháng 9, nhật thực hình khuyên (Liên Xô, Trung Quốc , Thái Bình Dương) Hà Nội : 0,47 Hải Phòng : 0,47 Vinh : 0,4 Huế : 0,37 Sài Gòn : 0,2							7 tháng 10, nguyệt thực một phần Bắt đầu : 10g48ph To nhất : 10g59ph Kết Thúc : 11g10ph					

NĂM 1988- MẬU THÌN (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư
2	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm
3	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu
4	15	Thứ Hai	17	Lập Xuân	17	Thứ Sáu	18	Th. Minh	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy
5	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Kinh Trập	19	Thứ Ba	20	Lập Hạ	21	Mg. Chung
6	17	Tiểu Hàn	19	Thứ Bảy	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai
7	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba
8	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư
9	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm
10	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu
11	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy
12	23	Thứ Ba	25	Vũ Thủy	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật
13	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai
14	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	29	Thứ Bảy	Năm (đ)	Thứ Ba
15	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư
16	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	29	Thứ Tư	Ba	Thứ Bảy	Tư	Thứ Hai	3	Thứ

							(đ)		(t)			Năm
17	28	Chủ Nhật	Giêng (đ)	Thứ Tư	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu
18	29	Thứ Hai	2	Thứ Năm	Hai (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy
19	Chạp (t)	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật
20	2	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	3	Xuân Phân	5	Cốc Vũ	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai
21	3	Đại Hàn	5	Chủ Nhật	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm	6	Tiểu Mãn	8	Hạ Chí
22	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư
23	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm
24	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu
25	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy
26	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật
27	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai
28	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba
29	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư
30	12	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm
31	13	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	14	Thứ Năm	-	-	16	Thứ Ba	-	Thứ Sáu
18 tháng 3, nhật thực toàn phần (In Đô Nê Xi A., Mã Lai, Phi lip pin, Thái Bình Dương) Hà Nội : 0,45 Hải Phòng : 0,47 Vinh : 0,50 Huế : 0,56 Sài Gòn : 0,67												

NĂM 1988-MẬU THÌN (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	23	Thứ Năm
2	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Sáu

3	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Thứ Bảy
4	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật
5	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Hai
6	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Ba
7	24	Tiểu Thử	25	Lập Thu	27	Bạch Lộ	27	Thứ Sáu	28	Lập Đông	29	Đại Tuyết
8	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	28	Hàn Lộ	29	Thứ Ba	30	Thứ Năm
9	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật	Mười (đ)	Thứ Tư	Một (đ)	Thứ Sáu
10	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	30	Thứ Hai	2	Thứ Năm	2	Thứ Bảy
				,								
11		Thứ Hai	23	Thứ Năm		Chủ Nhật	16	Thứ Ba		Thứ Sáu		Chủ Nhật
12		Thứ Ba	24	Thứ Sáu		Thứ Hai	17	Thứ Tư		Thứ Bảy		Thứ Hai
13		Thứ Tư	25	Thứ Bảy		Thứ Ba	18	Thứ Năm		Chủ Nhật		Thứ Ba
14		Thứ Năm	26	Chủ Nhật		Thứ Tư	19	Thứ Sáu		Thứ Hai		Thứ Tư
15		Thứ Sáu	27	Thứ Hai		Thứ Năm	20	Thứ Bảy		Thứ Ba		Thứ Năm
16		Thứ Bảy	28	Thứ Ba		Thứ Sáu	21	Chủ Nhật		Thứ Tư		Thứ Sáu
17		Chủ Nhật	29	Thứ Tư		Thứ Bảy	22	Thứ Hai		Thứ Năm		Thứ Bảy
18		Thứ Hai	30	Thứ Năm		Chủ Nhật	23	Thứ Ba		Thứ Sáu		Chủ Nhật
19		Thứ Ba	Tám (đ)	Thứ Sáu		Thứ Hai	24	Thứ Tư		Thứ Bảy		Thứ Hai
20		Thứ Tư		Thứ Bảy		Thứ Ba	25	Thứ Năm		Chủ Nhật		Thứ Ba
21	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	13	Đông Chí
22	9	Đại Thử	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	14	Tiểu Tuyết	14	Thứ Năm
23	10	Thứ Bảy	12	Xử Thử	13	Thu phân	13	Sg. Giáng	15	Thứ Tư	15	Thứ Sáu
24	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	16	Thứ Bảy
25	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật

26	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Thứ Hai
27	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	19	Thứ Ba
28	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	20	Thứ Tư
29	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	21	Thứ Năm
30	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	22	Thứ Sáu
31	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	-	Thứ Năm	23	Thứ Bảy
27 tháng 8, nguyệt thược một phần (*) Bắt đầu : 17g05ph To nhất : 18g08ph Kết Thúc : 19g07ph							11 tháng 9, nhật thực hình khuyên (An Độ Dương) Sài Gòn : 0,08 Hà Tiên : 0,13 Bạc Liêu : 0,13					

NĂM 1989-KỶ TỶ (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm
2	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu
3	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	28	Thứ Tư	30	Thứ Bảy
4	27	Thứ Tư	28	Lập Xuân	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	29	Thứ Năm	Năm (t)	Chủ Nhật
5	28	Tiểu Hàn	29	Chủ Nhật	28	Kinh Trập	29	Th. Minh	Tư (đ)	Lập Hạ	2	Thứ Hai
6	29	Thứ Sáu	Giêng (đ)	Thứ Hai	29	Thứ Hai	Ba (t)	Thứ Năm	2	Thứ Bảy	3	Mg. Chủng
7	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	30	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư
8	Chạp (t)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	Hai (t)	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm
9	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu
10	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy
11	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật
12	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai

13	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba
14	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư
15	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm
16	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu
17	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy
18	11	Thứ Tư	13	Vũ Thủy	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật
19	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai
20	13	Đại Hàn	15	Thứ Hai	13	Xuân Phân	15	Cốc Vũ	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba
21	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Tiểu Mãn	18	Hạ Chí
22	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm
23	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu
24	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy
25	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật
26	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai
27	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba
28	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư
29	22	Chủ Nhật		Thứ Tư	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm
30	23	Thứ Hai		Thứ Năm	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu
31	24	Thứ Ba		Thứ Sáu	24	Thứ Sáu	-	-	27	-	-	Thứ Bảy
20-21 tháng 2, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 20g51ph Toàn Phần : 20g59ph- 23g15ph Kết Thúc : 0g23ph							8 tháng 3 , nhật thực một phần					

NĂM 1989-KỶ TỶ (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	28	Thứ Bảy	Bảy (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	4	Thứ Sáu

2	29	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	5	Thứ Bảy
3	Sáu (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật
4	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Thứ Hai
5	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Ba
6	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Tư
7	5	Tiểu Thử	7	Lập Thu	8	Bạch Lộ	8	Thứ Bảy	10	Lập Đông	10	Thứ Năm
8	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Sáu
9	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Bảy
10	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật
11	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Thứ Hai
12	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	15	Thứ Ba
13	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	16	Thứ Tư
14	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	14	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Năm
15	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	18	Thứ Sáu
16	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	19	Thứ Bảy
17	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật
18	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Thứ Hai
19	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	22	Thứ Ba
20	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	23	Thứ Tư
21	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	24	Thứ Năm
22	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	25	Tiểu Tuyết	25	Đông Chí
23	21	Đại Thử	23	Xử Thử	24	Thu Phân	24	Sg. Giáng	26	Thứ Năm	26	Thứ Bảy
24	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật
25	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	28	Thứ Hai

26	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	29	Thứ Ba
27	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	28	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	30	Thứ Tư
28	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	29	Thứ Bảy	Một (đ)	Thứ Ba	Chạp (đ)	Thứ Năm
29	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	Mười (đ)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	2	Thứ Sáu
30	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	Chín (t)	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	3	Thứ Bảy
31	29	Thứ Hai	Tám (đ)	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật
27 tháng 8, nguyệt thực toàn phần Bắt Đầu : 8g14ph Toàn Phần : 9g15ph-10g53ph Kết Thúc : 11g54ph							31 tháng 8, Nhật thực một phần					

NĂM 1990- CANH NGỌ (1)

Ngày	THÁNG GIÊNG		THÁNG HAI		THÁNG BA		THÁNG TƯ		THÁNG NĂM		THÁNG SÁU	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu
2	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy
3	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật
4	8	Thứ Năm	9	Lập Xuân	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai
5	9	Tiểu Hàn	10	Thứ Hai	9	Thứ Hai	10	Th. Minh	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba
6	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Lập Hạ	14	Mg. Chung
7	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm
8	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu
9	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy
10	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật
		"										
11	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai
12	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	16	Thứ Hai	17	Thứ	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba

								Năm				
13	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư
14	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm
15	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu
16	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy
17	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật
18	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai
19	23	Thứ Sáu	24	Vũ Thủy	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba
20	24	Đại Hàn	25	Thứ Ba	24	Thứ Ba	25	Cốc Vũ	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư
21	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	25	Xuân Phân	26	Thứ Bảy	27	Tiểu Mãn	29	Thứ Năm
22	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu
23	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Tư	Năm (đ	Thứ Bảy
24	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	Năm (đ	Thứ Năm	2	Chủ Nhật
25	29	Thứ Năm	Hai (t	Chủ Nhật	29	Chủ Nhật	Tư (t	Thứ Tư	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai
26	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	30	Thứ Hai	2	Thứ Năm	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba
27	Giêng (t	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	Ba (t	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư
28	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	2	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm
29	3	Thứ Hai	-	Thứ Năm	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu
30	4	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy
31	5	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	5	Thứ Bảy	-	-	8	Thứ Năm	-	Chủ Nhật
27 tháng 1, nhật thực hình khuyên (Nam Băng Châu, Đại Tây Dương)							10 tháng 2, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt Đầu : 0g30ph Toàn Phần : 1g49ph-2g35ph Kết Thúc : 3g51ph					

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ

1	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	15	Thứ Bảy
2	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật
3	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	17	Thứ Hai
4	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	18	Thứ Ba
5	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	19	Thứ Tư
6	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	20	Thứ Năm
7	15	Tiểu Thử	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	21	Lập Đông	21	Đại Tuyết
8	16	Chủ Nhật	18	Lập Thu	20	Bạch Lộ	20	Hàn Lộ	22	Thứ Năm	22	Thứ Bảy
9	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật
10	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	24	Thứ Hai
11	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	25	Thứ Ba
12	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	26	Thứ Tư
13	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	27	Thứ Năm
14	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	28	Thứ Sáu
15	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	29	Thứ Bảy
16	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật
17	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	29	Thứ Tư	Mười (đ)	Thứ Bảy	Một (đ)	Thứ Hai
18	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	Chín (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	2	Thứ Ba
19	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	Tám (t)	Thứ Tư	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	3	Thứ Tư
20	28	Thứ Sáu	Bảy (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	4	Thứ Năm
21	29	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu
22	Sáu (t)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	5	Thứ Hai	6	Tiểu Tuyết	6	Đông Chí
23	2	Đại Thử	4	Xử Thử	5	Thu Phân	6	Sg. Giáng	7	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật

24	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	8	Thứ Hai
25	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	9	Thứ Ba
26	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư
27	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm
28	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	12	Thứ Sáu
29	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy
30	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật
31	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	14	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	15	Thứ Hai
22 tháng 7, nhật thực toàn phần (Phần Lan, Bắc Băng Dương, Liên Xô, Thái Bình Dương)							6 tháng 8, nguyệt thực một phần (*) Bắt Đầu : 19g40ph To nhất : 21g07ph Kết Thúc : 22g34ph					

4	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	27	Thứ Năm
5	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	28	Thứ Sáu
6	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	29	Thứ Bảy
7	25	Tiểu Thử	27	Lập Thu	28	Bạch Lộ	29	Thứ Ba	30	Lập Đông	Một (đ)	Chủ Nhật
8	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	30	Hàn Lộ	Mười (t)	Thứ Bảy	2	Thứ Hai
9	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	Tám (đ)	Thứ Ba	Chín (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	3	Thứ Ba
10	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	4	Thứ Tư
11	29	Thứ Sáu	Bảy (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	5	Thứ Năm
12	Sáu (đ)	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	6	Thứ Sáu
13	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	7	Thứ Bảy
14	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật
15	4	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	9	Thứ Hai
16	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	10	Thứ Ba
17	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	11	Thứ Tư
18	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	12	Thứ Năm
19	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	13	Thứ Sáu
20	9	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	14	Thứ Bảy
21	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	15	Đông Chí
22	11	Đại Thử	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	14	Thứ Tư	15	Tiểu Tuyết	16	Thứ Hai
23	12	Thứ Tư	13	Xử Thử	15	Thu Phân	15	Sg. Giáng	16	Chủ Nhật	17	Thứ Ba
24	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	18	Thứ Tư
25	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	19	Thứ Năm
26	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	20	Thứ Sáu
27	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Thứ Bảy

28	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật
29	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Hai
30	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Ba
31	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật		Thứ Tư	23	Thứ Sáu		Thứ Hai	25	-
11 tháng 8 , nhật thực hình khuyên (Thái Bình Dương, Nam Châu Mỹ)												

						Bảy						
21	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật
22	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	20	Đông Chí
23	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	18	Thu Phân	19	Thứ Năm	21	Tiểu Tuyết	21	Thứ Ba
24	16	Thứ Năm	18	Xử Thử	19	Thứ Tư	20	Sg. Giáng	22	Thứ Hai	22	Thứ Tư
25	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	23	Thứ Năm
26	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu
27	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy
28	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật
29	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	27	Thứ Hai
30	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	28	Thứ Ba
31	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật		-	27	Thứ Sáu	-	-	29	Thứ Tư
3 tháng 11, nhật thực một phần							19 tháng 11 , nguyệt thực toàn phần Bắt Đầu : 3g42ph Toàn Phần : 5g01ph-5g47ph Kết Thúc : 7g06ph					

14	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	27	Thứ Ba
15	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	28	Thứ Tư
16	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	29	Thứ Năm
17	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	30	Thứ Sáu
18	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	30	Thứ Hai		Thứ Năm		Thứ Bảy
19	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm		Chủ Nhật		Thứ Ba	2	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật
20	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	3	Thứ Hai
21	29	Thứ Tư		Thứ Bảy	3	Thứ Ba	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	4	Thứ Ba
22		Thứ Năm	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	5	Thứ Tư
23	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	6	Thứ Năm
24	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	7	Thứ Sáu
25	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	8	Thứ Bảy
26	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật
27	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	10	Thứ Hai
28	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	11	Thứ Ba
29	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	12	Thứ Tư
30	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	13	Thứ Năm
31	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	-	-	13	Chủ Nhật	-	-	14	
22 tháng 7, nhật thực một phần 7 tháng 8, nguyệt thực một phần Bắt Đầu : 0g52ph Toàn Phần : 1g53ph-3g35ph Kết Thúc : 4g36ph							21 tháng 8, nhật thực một phần.					